

Bản án số: 43/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 20-9-2019

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị Thu Hương

2. Ông Nguyễn Công Đồi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn H, sinh năm 1972, địa chỉ: 538/122/9 Đoàn Văn B, P. 14, Q. 4, Tp. H; có mặt.

Bị đơn: Chị Danh Thị Chal Đ.R (K.O), sinh năm 1983, địa chỉ: ấp V1, xã V, huyện V, tỉnh K; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Danh Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp V1, xã V, huyện V, tỉnh K; có mặt.

2. Bà Lâm Thị T, sinh năm 1960; địa chỉ: ấp V1, xã V, huyện V, tỉnh K; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Thanh T - Văn phòng Luật sư Phan Thanh T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn H trình bày: Anh và chị Đ.R sống chung năm 2009, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Danh Thị Anh T, sinh ngày 19/7/2011 hiện đang sống chung với chị Đ.R. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn bất đồng quan điểm, từ đó dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị Đ.R và yêu cầu nuôi con chung là cháu T, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu. Nợ chung: không có.

Bị đơn chị Danh Thị Chal Đ.R trình bày: Chị và anh H tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương vào tháng 2/2010, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh H thường xuyên cá độ bóng đá không chăm lo làm ăn, chăm sóc vợ con nên chị về sống chung với cha mẹ ruột tại xã V, huyện V, tỉnh K từ tháng 6/2018 đến nay. Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh H, chị đồng ý ly hôn. Về con chung: Chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu. Nợ chung: không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn H, Luật sư Phan Thanh T trình bày: Đề nghị HĐXX không công nhận là vợ chồng giữa anh H và chị Đ.R, giao con chung là cháu Anh T cho anh H nuôi dưỡng vì hiện tại anh H đang có công việc ổn định, thu nhập cao, đủ điều kiện để nuôi con.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX không công nhận là vợ chồng giữa anh Nguyễn H và chị Đ.R; Về con chung: giao cháu Anh T cho chị Đ.R trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Đ.R, yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận xác định quan hệ tranh chấp là “ ly hôn và tranh chấp nuôi con ” đồng thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh H và chị Đ.R sống chung năm 2009, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Danh Thị Anh T, sinh ngày 19/7/2011, hiện đang sống chung với cha mẹ của chị Đ.R là ông Danh Đ và bà Lâm Thị T. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ đó dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Anh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Đ.R, chị Ra đồng ý ly hôn. Về con chung anh H yêu cầu nuôi cháu T, không yêu cầu cấp dưỡng, chị Ra không đồng ý, chị Ra yêu cầu nuôi cháu T, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

[3] Xét thấy, anh H và chị Đ.R có đủ các điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định khi chung sống là không phù hợp với quy định của pháp luật nên vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết hôn nhân của anh chị. Anh H và chị Đ.R không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó không công nhận anh H và chị Đ.R là vợ chồng.

[4] Về con chung: Anh chị có con chung là cháu Danh Thị Anh T, sinh ngày 19/7/2011, từ khi ly thân cháu T sống cùng ông bà ngoại, hiện tại thì sống với chị Đ.R. Anh H và chị Đ.R đều có nguyện vọng nuôi cháu T. Qua xác minh điều kiện nuôi con anh H và chị Đ.R đủ điều kiện nuôi. Tuy nhiên, cháu T có nguyện vọng sống chung với chị Đ.R. Xét thấy, hiện tại cháu T vẫn chưa thành niên và đang được nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập tốt. Vì vậy, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu T cho chị Đ.R trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Đ.R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí xin ly hôn: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006145 ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn H và chị Danh Thị Chal Đ.R là vợ chồng.

2 - Về con chung: Giao cháu Danh Thị Anh T, sinh ngày 19/7/2011 cho chị Đ.R trực tiếp nuôi dưỡng (ông Danh Đ và bà Lâm Thị T đã giao cháu Anh T cho chị Đ.R tại phiên tòa). Anh H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Đ.R không yêu cầu, nên không xem xét.

3- Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006145 ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

4- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm

